TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29/3/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con, Cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Diêu Hoàng Tiếp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Qươne**
2. Ông **Đỗ Thành Tiết**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lâm Thành Tú**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Thạch Tha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST - HNGĐ ngày 14/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Th**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ô , xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông **Thạch Ph**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ô , xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1973

2/ Bà Thạch Thị M, sinh năm 1970

3/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1952

4/ Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp C, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

5/ Bà Thạch Thị U, sinh năm 1973

6/ Bà Lâm Thị H, sinh năm 1960

7/ Bà Kim Thị H, sinh năm 1962

8/ Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: ấp Ô , xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

9/ Ông Thạch P, sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

10/ Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1976

Địa chỉ: khu phố chợ H, xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

11/ Bà Thạch Thị Sa O, sinh năm 1942

Địa chỉ: ấp Ô , xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

12/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

13/ Bà Lý Thị Hồng D, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Ch, xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:

Bà và ông Thạch Ph chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do làm ăn thua lỗ, ông Ph đi làm thuê ở Bình Dương sau đó ông Ph không về nhà nên bà và ông Ph không còn chung sống với nhau nữa.

Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Thạch T, sinh 1999 hiện nay đã trưởng thành và Thạch N, sinh 10/10/2008 hiện nay bà Th đang nuôi.

Nay bà Th yêu cầu ly hôn với ông Ph.

Về con chung: sau khi ly hôn con tên Thạch T, sinh 1999 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu. Riêng Thạch N, sinh 10/10/2008 bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Th khai nợ của ông Nguyễn Minh Đ 2.000.000 đồng; Thạch Thị M 22.000.000 đồng; Phạm Văn H 30.000.000 đồng; Phạm Thị P 3.000.000 đồng; Thạch Thị U 10.000.000 đồng; Lâm Thị H 75.000.000 đồng; Kim Thị H 60.000.000 đồng; Huỳnh Thị Th 37.000.000 đồng; Thạch P 28.000.000 đồng; Phạm Thị Tr 15.000.000 đồng; Thạch Thị Sa O 50.000.000 đồng; Nguyễn Văn M 4.000.000 đồng; Lý Thị Hồng D 28.000.000 đồng. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu chia đôi số nợ trên để trả.

Bị đơn ông Thạch Ph vắng mặt không có lý do, theo biên bản lấy lời khai bà Dương Thị S là mẹ ruột của ông Thạch Ph xác nhận Thạch Ph đang đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và vẫn thường liên lạc với bà qua điện thoại, bà S có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho Thạch Ph xong nhưng không nghe nói gì, bà S cho biết vợ chồng của Thạch Ph làm ăn thất bại, ông Ph nghi ngờ bà Th ngoại tình nên có nhậu nhẹt và hai người không còn chung sống với nhau khoảng 3 năm nay. Mặt dù ông Thạch Ph đã được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai mà ông vẫn vắng mặt, nên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Thạch Ph.

Những người có quyền và lợi ích liên quan là các chủ nợ của bà Th và ông Ph:

Ông Nguyễn Minh Đ trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền vay của ông 2.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó ông xin giải quyết vắng mặt.

Bà Thạch Thị M trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi 22.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Ông Phạm Văn H trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi của ông 30.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó ông xin giải quyết vắng mặt.

Bà Phạm Thị Th trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền vay 3.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Bà Thạch Thị U trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi 10.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Bà Lâm Thị H trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi 75.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị Th trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền 37.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Ông Thạch P trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi 22.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó ông xin giải quyết vắng mặt.

Bà Phạm Thị Tr trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền vật tư nông nghiệp 15.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn M trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền 4.000.000 đồng, nhưng hiện nay ông và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó ông xin giải quyết vắng mặt.

Bà Lý Thị Hồng D trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền thức ăn chăn nuôi 28.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Bà Thạch Thị Sa O trình bày: bà Th và ông Ph có nợ 50.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Bà Kim Thị H trình bày: bà Th và ông Ph có nợ tiền hụi chết 60.000.000 đồng, nhưng hiện nay bà và bà Th, ông Ph tự thỏa thuận với nhau nên không khởi kiện trong vụ kiện hôn nhân này do đó bà xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự đã thực hiện đúng quy định. Riêng bị đơn vắng mặt nên không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Th, cho bà Th ly hôn với ông Ph; về con chung chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Th giao cháu Thạch N cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung bà Th và ông Ph không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về nợ chung các chủ nợ không yêu cầu khởi kiện trong vụ kiện này nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Huỳnh Thị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Thạch Ph có địa chỉ: ấp Ô, xã C, huyện Cầu Kè. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trong quyết định xét xử quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con, chia tài sản nợ chung nay điều chỉnh lại cho phù hợp "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con*" do các chủ nợ không yêu cầu khởi kiện trong vụ án hôn nhân này.

[2] Ông Thạch Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử vắng mặt ông Ph.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị Th và ông Thạch Ph xác lập quan hệ hôn nhân năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẩn của vợ chồng theo bà Th là do làm ăn thua lỗ, nợ nần nên ông Ph đi làm thuê ở Bình Dương và không về nhà từ đó bà và ông Ph đã ly thân, còn theo lời bà Dương Thị S là mẹ ruột của Ph nghe Ph nói lại là do nghi ngờ bà Th ngoại tình nên buồn rầu sinh ra rượu chè và Ph đã đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh không còn sống với Th từ khoảng 3 năm nay, bà S đã nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, công khai chứng cứ, quyết định xét xử bà có báo lại với Ph biết nhưng do bận đi làm ở xa nên không đến Tòa án để tham dự phiên tòa theo giấy mời được. Xét thấy mâu thuẩn giữa bà Th và ông Ph xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Ph cố tình không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Th cho thấy ông không có thiện chí đoàn tụ lại với bà Th, cho nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông Ph là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: bà Th trình bày có 2 chung tên Thạch T, sinh 1999, T hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng cháu Thạch N, sinh 10/10/2008 hiện nay bà đang nuôi, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Vấn đề này thấy rằng: Xét yêu cầu nuôi con chung tên Thạch N của bà Th là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ theo lời trình bày của cháu N sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Th, ông Ph không đến Tòa, không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì, đồng thời từ khi bà Th và ông Ph ly thân nhau, bà Th vẫn nuôi dưỡng cháu N rất tốt, bà Th cũng không ngược đãi đánh đập gì con, để đảm bảo cuộc sống bình thường nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm

sinh lý của cháu N. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Th giao cháu Thạch N cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và có sơ sở.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại Tòa hôm nay bà Th yêu cầu được nuôi con Thạch N và yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng ông Ph vắng mặt, không có phản hồi ý kiến. Căn cứ vào Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên*…" nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Th là có căn cứ cần được chấp nhận, Tại Tòa bà Th yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 700.000 đồng/tháng là cao hơn so với luật quy định nên cần được điều chỉnh lại cho phù hợp và đúng quy định. Do đó, căn cứ vào các Điều 116; 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N theo quy định bằng ½ tháng lương tối thiểu bằng 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi (thời điểm xét xử lương tối thiểu 1.300.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng là ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[6] Về tài sản chung: bà Th và ông Ph không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Các chủ nợ và bà Th và ông Ph đã tự thỏa thuận, không khởi kiện trong vụ án ly hôn này. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này các chủ nợ có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[8] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 59, 81, 82 ,83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Th;

Cho bà Huỳnh Thị Th được ly hôn với ông Thạch Ph;

Về con chung: Giao con chung tên Thạch N, sinh 10/10/2008 hiện nay do bà Th đang nuôi cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Thạch Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Thạch N sinh ngày 10/10/2008 số tiền 650.000đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: bà Th không yêu cầu. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các chủ nợ và bà Th và ông Ph đã tự thỏa thuận, không khởi kiện trong vụ án ly hôn này. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này các chủ nợ có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Th phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013333 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Ph chịu nộp 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã C, h. Cầu Kè
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Diêu Hoàng Tiếp